

Bản án số: 170/2024/HS-PT

Ngày: 12-6-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Công Huân

2. Bà Lê Thị Thương Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Đăng Khương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 159/2024/HSPT ngày 14 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Phan Thị Kiều O do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2024/HS-ST ngày 20-3-2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo kháng cáo:

Phan Thị Kiều O; giới tính: Nữ; sinh năm: 1992; sinh tại: Thành phố Hồ Chí Minh; căn cước công dân số: 079192013490; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Số D, Ấp F, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng; con ông Phan Văn Đ, con bà Nguyễn Thị D; có chồng Nguyễn Văn L; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại:

Công ty Cổ phần H; địa chỉ trụ sở: Số A T, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền cho bị hại là Bà Lương Thị Bích V, sinh năm 1976; Địa chỉ liên lạc: Số H, H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 01/2019, Phan Thị Kiều O ký hợp đồng lao động làm việc tại chi nhánh công ty cổ phần H, địa chỉ số H H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó Kiều O được giao thực hiện nhiệm vụ, cụ thể: tư vấn thông tin cho phụ huynh, học sinh và thu học phí, thu các khoản phí khác liên quan như tiền ăn, tiền cơ sở vật chất, đồng phục, sinh hoạt, tham quan theo quy định của công ty H. Sau đó O sẽ nộp lại số tiền đã thu nêu trên cho bộ phận kế toán của Công ty H. (Việc giao nhiệm vụ cụ thể được thực hiện bằng lời nói và bằng Bảng mô tả công việc kèm theo Hợp đồng lao động số 2020143/HĐLĐ-MTV-Q12 và thông báo quy trình thu tiền học phí ngày 01/5/2020 của Công ty H).

Từ tháng 09/2020 đến tháng 03/2021, do cần tiền chữa bệnh cho mẹ và tiêu xài cá nhân, sau khi tiếp nhận học phí và các khoản phí liên quan từ 19 phụ huynh học sinh (bằng hình thức nhận tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản 0110941647 của O mở tại ngân hàng Đ1) thì O không sử dụng cuốn phiếu thu do công ty H cung cấp mà lại mua 01 cuốn phiếu thu khác để xuất biên lai nộp tiền cho phụ huynh học sinh. Đến tháng 01/2021, Công ty H phát hiện O thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 260.870.000 đồng của Công ty H và O đã tự nguyện hoàn trả số tiền 60.000.000 đồng cho Công ty H. Sau đó, đại diện Công ty H là bà Lương Thị Bích V đã tố giác sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 12.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 12, Phan Thị Kiều O khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Căn cứ vào kết quả sao kê tài khoản ngân hàng, báo cáo học phí (hàng tháng) phù hợp với lời khai của Phan Thị Kiều O, phù hợp với lời khai của đại diện Công ty H, phù hợp với lời khai của các phụ huynh học sinh đã nộp tiền học phí cho Công ty H thông qua O, phù hợp với kết quả đối chiếu giữa O và Công ty H - có đủ căn cứ để xác định tổng số tiền O chiếm đoạt của Công ty H là 260.870.000 đồng, do 19 phụ huynh nộp 64 lần, trong đó có 57 lần mỗi lần trên 2.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 6052/KLGD-TT ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “Chữ viết tại mục “Họ và tên người nộp tiền”, “Địa chỉ”, “Nội dung”, “Số tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A91; chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A92, A93 so với chữ viết của Phan Thị Kiều O trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết ra”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2024/HS-ST ngày 20-3-2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Phan Thị Kiều O phạm tội “Tham ô tài sản”.

- Căn cứ vào các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, n, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Kiều O 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 357, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Buộc bị cáo Phan Thị Kiều O bồi thường cho Công ty Cổ phần H số tiền 200.870.000 (hai trăm triệu tám trăm bảy mươi nghìn) đồng. Bồi thường toàn bộ số tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án cũng tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/3/2024, Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 28/3/2024 bị cáo Phan Thị Kiều O có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giảm mức bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo bổ sung yêu cầu kháng cáo như sau: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo, còn về số tiền bồi thường thiệt hại bị cáo đã liên hệ nộp nhưng bị hại không yêu cầu bồi thường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phan Thị Kiều O về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo bổ sung các tài liệu kèm theo đơn kháng cáo là: bị cáo đang nuôi con nhỏ (sinh ngày 30/3/2024), bị cáo nuôi dưỡng mẹ đã lớn tuổi và có nhiều bệnh; đại diện bị hại xác nhận sau khi bị cáo O kháng cáo, bị cáo có liên hệ để nộp 200.870.000 đồng, nhưng do bị cáo rất khó khăn về tài chính nên bị hại không nhận tiền và không yêu cầu bị cáo bồi thường, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo. Xét thấy bị cáo O có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đề xử phạt bị cáo O mức án từ 05 năm tù đến 06 năm tù.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình làm việc tại Chi nhánh công ty H tại địa chỉ số H H, phường T, Quận A, Phan Thị Kiều O được giao nhiệm vụ thu học phí và các khoản phí khác từ phụ huynh học sinh, để sau đó nộp lại cho Công ty H. Do cần tiền chữa bệnh cho mẹ ruột và tiêu xài cá nhân nên từ tháng 09/2020 đến tháng 03/2021, Phan Thị Kiều O đã thu và chiếm đoạt của Công ty H với tổng số tiền là 260.870.000 đồng, do 19 phụ huynh học sinh nộp 64 lần, trong đó có 57 lần nộp, mỗi lần trên 2.000.000 đồng.

[2] Với các hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân Quận 12 đã tuyên bị cáo Phan Thị Kiều O phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Ngày 20/3/2024, Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 28/3/2024 bị cáo Phan Thị Kiều O có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giảm mức bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, còn về số tiền bồi thường thiệt hại bị cáo đã liên hệ nộp nhưng bị hại không yêu cầu bồi thường. Xét thấy, đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[4] Xét kháng cáo:

Bị cáo Phan Thị Kiều O làm việc tại Chi nhánh công ty H, được giao nhiệm vụ thu học phí và các khoản phí khác từ phụ huynh học sinh. Nhưng Phan Thị Kiều O đã thu và chiếm đoạt tiền học phí của công ty H do 19 phụ huynh nộp. Hành vi này của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của doanh nghiệp và đã làm cho doanh nghiệp này suy yếu, mất uy tín, do đó cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy vậy, khi lượng hình, Hội đồng xét xử còn xem xét đến tính chất của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của các bị cáo.

[4.1] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; khi xét xử sơ thẩm, bị cáo là phụ nữ có thai nên Tòa án cấp sơ thẩm đã cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.2] Tại thời điểm xét xử phúc thẩm bị cáo vừa mới sinh con (sinh ngày 30/3/2024), do đó trong trường hợp này cũng nên cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.3] Trong quá trình điều tra đã xác định trong số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại có một phần là để chữa bệnh cho mẹ ruột bị cáo. Nhận thấy, hoàn cảnh này không phải do bị cáo gây ra, nhưng chưa đến mức để được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuy vậy cũng cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị hại xác nhận sau khi kháng cáo, bị cáo O có liên hệ bị hại để nộp 200.870.000 đồng, nhưng do bị cáo rất khó khăn về tài chính nên bị hại không nhận tiền và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Điều này thể hiện bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, nên bị cáo sẽ được hưởng trọn vẹn tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Cũng tại phiên tòa đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, nên cần cho bị cáo hưởng tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.6] Với hành vi phạm tội, tính chất của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Điều này cũng có phần phù hợp với lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2024/HS-ST ngày 20-3-2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã buộc bị cáo Phan Thị Kiều O bồi thường cho Công ty cổ phần H số tiền 200.870.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 200.870.000 đồng này, do đó cần ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần H về việc không yêu cầu Phan Thị Kiều O bồi thường số tiền nêu trên.

[6] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 345; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phan Thị Kiều O và sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo **Phan Thị Kiều O** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 3; Điều 13; Điều 585 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần H về việc không yêu cầu Phan Thị Kiều O bồi thường số tiền 200.870.000 đồng (hai trăm triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

4. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phan Thị Kiều O không phải nộp.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 12; (1)
- P.PC 53- CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Trại giam; (1)
- THA Quận 12; (2)
- TAND Quận 12; (2)
- Công an Quận 12; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (20). (3)

Ngô Ngọc Thắng